SỞ Y TẾ QUẢNG TRỊ
BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH

Số: 207 /TM-BVĐK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Quảng Trị, ngày 05 tháng 7 năm 2024

THƯ MỜI BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Trị có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu mua sắm vật tư y tế can thiệp nội mạch (DSA) phục vụ công tác khám chữa bệnh với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá:

1. Đơn vị yêu cầu báo giá:

- Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Trị
- Địa chỉ: 266 Hùng Vương, Phường Đông Lương, TP. Đông Hà, Quảng Trị

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

- Nguyễn Thị Thảo, số điện thoại: 0915 493 468
- Email: nguyenthithaobvdk1@gmail.com

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp qua đường công văn
- Địa chỉ nhận: Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Trị, địa chỉ: 266 Hùng Vương, P.Đông Lương, TP.Đông Hà, tỉnh Quảng Trị

Gửi kèm file báo giá bản pdf và excel về địa chỉ email: nguyenthithaobvdk1@gmail.com.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá:

- Từ ngày 05 tháng 7 năm 2024 đến trước 17h ngày 22 tháng 7 năm 2024
- Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 150 ngày, kể từ ngày 22 tháng 7 năm 2024.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục hàng hóa: theo danh mục đính kèm

Tuỳ chọn mua thêm tối đa là: 30% theo số lượng từng mặt hàng

2. Địa điểm giao hàng: Tầng 1 - Khu nhà G - Khoa Dược - Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Trị.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: trong vòng 5-7 ngày sau khi nhận được dự trù.

4. Công ty cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh

hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quyết định của người có thẩm quyền, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định tại khoản 3 Điều 87 của Luật Đấu thầu. Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

- Đơn vị cung cấp báo giá chịu trách nhiệm cung cấp thông tin về giá của hàng hóa, dịch vụ phù hợp với khả năng cung cấp của mình và phải bảo đảm việc cung cấp báo giá không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá hoặc nâng khống giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

5. Các yêu cầu khác:

Các hãng sản xuất, nhà cung cấp đính kèm tài liệu chứng minh yêu cầu kỹ thuật theo thư mời báo giá (nếu có).

Đề nghị các đơn vị/nhà cung cấp quan tâm có đủ năng lực, kinh nghiệm chào giá hàng hóa theo yêu cầu nêu trên.

Thư mời báo giá được đăng tải trên website của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Trị (https://quangtrihospital.vn/) và Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia (https://muasamcong.mpi.gov.vn/).

***Nơi nhận*:**
- Như trên;
- Ban Giám đốc (để b/c);
- P. TCKT;
- Lưu: VT, K.Dược.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH QUẢNG TRỊ
BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH

Lê Văn Lâm

Công ty:….....

Địa chỉ :….....

Điện thoại :…..... ..

Mã số thuế:….....

BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Trị

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Quảng Trị, chúng tôi Công ty…..... báo giá cho các thiết bị y tế như sau:

STT	Tên hàng hóa mời chào giá	Tên hàng hóa báo giá	Mã sản phẩm (nếu có)	Đơn vị tính	Quy cách	Đặc tính/Thông số kỹ thuật (nếu có)	Hãng và nước sản xuất	Hãng và nước chủ sở hữu	Số lượng	Đơn giá (gồm thuế VAT) (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
Tổng cộng: khoản											

Báo giá này có hiệu lực trong vòng: 150 ngày, kể từ ngày 22 tháng 7 năm 2024
Đơn giá trên đã bao gồm chi phí vận chuyển.
Chúng tôi cam kết:
- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quyết định của người có thẩm quyền, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định tại khoản 3 Điều 87 của Luật Đấu thầu. Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự.
- Chịu trách nhiệm cung cấp thông tin về giá của hàng hóa, dịch vụ phù hợp với khả năng cung cấp của mình và phải bảo đảm việc cung cấp báo giá không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá hoặc nâng khống giá.

……, ngày.... tháng....năm....

Đại diện hợp pháp của công ty

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))

DANH MỤC VẬT TƯ Y TẾ CAN THIỆP NỘI MẠCH (DSA)

(Đính kèm Thư mời số: /TM-BVĐK ngày 05 tháng 7 năm 2024)

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Số lượng
1	Áo phẫu thuật	Cái	Vải không dệt chống thấm nước, chống thấm cồn, chống tĩnh điện, kích thước 130x150cm Mỗi áo gồm 2 khăn thấm 30x40cm. Tiệt trùng. Đạt chuẩn CE	1.000
2	Bộ bơm bóng áp lực	Cái	- Bơm lên được áp lực ≥ 30atm; có dây bơm ≥ 25 cm; chịu áp lực ≥ 1200 psi	100
3	Bộ bơm bóng áp lực	Cái	- Chịu được áp lực ≥ 40atm - Dung tích: 20ml, 30ml - Bơm có dây bơm chịu áp lực ≥ 1200 psi - Có chứng nhận FDA	50
4	Bộ bơm bóng can thiệp tim mạch	Bộ	- Vật liệu: Polycarbonate -Có áp lực tối đa ≥30atm	100
5	Bộ bóng nong van hai lá	Bộ	Các cỡ: 24 mm và 26mm	3
6	Bộ cắt mảng xơ vữa	Cái	Dụng cụ tương thích với dây dẫn ≤0.014", có 4 lưỡi cắt đường viền khớp với nhau Tương thích với dụng cụ mở đường 6F ; 7F Chiều dài hệ thống: 114cm; 135cm; 151cm. Chiều dài phần đầu (tip length): 9.6 cm; 5.9 cm; 6.6 cm	3
7	Bộ dẫn lưu ổ bụng, áp xe, mật, thận các loại, các cỡ	Cái	- Chiều dài: 25cm; 30 cm. - Đường kính: 6F, 7F, 8F, 10F, 12F, 14F, 16F - Khả năng tương thích dây dẫn: 0.035 "; - Bộ bao gồm: kim chọc đầu hình tam giác, và dụng cụ làm thẳng ống dẫn lưu, ống dẫn lưu phủ Hydrophilic và khoá – locking	15
8	Bộ đặt lưới lọc tĩnh mạch chủ dưới	Bộ	- Thiết kế hình nón làm từ chất liệu thép không gỉ tương thích với môi trường MRI. - Chiều dài lưới lọc: 55 mm; 59 mm - Lưới có 9 chân: 6 ngắn, 3 dài	7
9	Bộ điều khiển dao cắt	Bộ		3

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Số lượng
10	Bộ dụng cụ mở đường động mạch đùi	Bộ	- Bao gồm: Kim chọc nội mạch, dây dẫn phủ hydrophilic, dao mổ, sheath, Xylanh, dilator. - Chiều dài wire: 45cm - Các cỡ: 4F chiều dài 5cm (kim chọc 20G, đường kính dây dẫn 0.025"), 4F chiều dài 11cm (kim chọc 20G, 18G, đường kính dây dẫn 0.025"; 0.035") - Các cỡ: 5F, 6F, 7F, 8F, chiều dài 5cm, 11cm (kim chọc 18G, đường kính dây dẫn 0.035"; 0.038") - Có chứng nhận FDA	200
11	Bộ dụng cụ mở đường động mạch quay	Bộ	- Nguyên liệu: PVC và silicone - Các cỡ: 4F, 5F, 6F chiều dài 11cm; 24cm (Kim chọc 20G, chiều dài dây dẫn 45cm; 70cm, đường kính dây dẫn 0.021") - Cỡ 7F chiều dài 5cm (Kim chọc 20G, đường kính dây dẫn 0.021", chiều dài dây dẫn 45cm; 70cm) - Cỡ 7F chiều dài 7cm; 11cm (Kim chọc 20G, đường kính dây dẫn 0.018", chiều dài dây dẫn 45cm; 70cm) - Có chứng nhận FDA	300
12	Bộ hút huyết khối mạch vành	Bộ	Đường kính 6F, 7F; Chiều dài sử dụng: ≥ 145 cm	5
13	Bộ khăn chụp mạch vành	Bộ	Làm bằng vải không dệt 5 lớp chống thấm nước, chống thấm cồn, chống tĩnh điện. Gồm: 1 khăn trải bàn dụng cụ. Kích thước: 200x240 cm 1 khăn chụp mạch vành đường kính lỗ 7 cm, kích thước: 220x370 cm 1 bao chụp đầu đèn 1 khăn trải bàn dụng cụ vô trùng 150x180cm 1 tấm phủ chắn chì 150x180cm 1 bao kính chắn chì 100 x 120cm 1 bao đựng remote Tiệt trùng EO. - Đạt tiêu chuẩn CE	500
14	Bộ kim chọc sinh thiết trong gan qua đường tĩnh mạch cảnh, các loại, các cỡ	Bộ	Được thiết kế để lấy sinh thiết qua tĩnh mạch gan. Đầu kim: 18G, 19G; Tương ứng sheath: 7F	2
15	Bộ kim chọc tạo đường thông cửa chủ trong gan qua đường tĩnh mạch cảnh, các loại, các cỡ	Bộ	Đầu kim chọc có đặc tính giúp quan sát trên nhiều phương thức hình ảnh khác nhau. Có vị trí đánh dấu trên ống thông mang que chọc. Kim chọc bằng Nitinol. Cỡ kim chọc: 17Ga/G hoặc 0.040". Bộ kim chọc bao gồm: -Ống chứa cứng -Ống thông dẫn đường -Kim chọc -Ống thông chứa kim chọc -Ống thông đầu kiểu MPA	2
16	Bộ kit kết nối 3 cửa	Bộ	- Bộ phận kết nối Manifold chất liệu Polycarbonate. Gồm: + 1 ống tiêm + 2 dây truyền dịch + 1 dây nối áp lực	500

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Số lượng
17	Bộ lấy lưới lọc tĩnh mạch chủ dưới	Bộ	- Có 3 loại: thẳng, uốn sẵn, 2 trong 1 - 1 lối vào: tĩnh mạch cảnh - Bộ đặt lưới gồm: lưới, bộ dụng cụ mở đường, kim chọc, dây dẫn chữ J. - Sheath đường kính 9F, chiều dài: 570mm, 610 mm	1
18	Bộ máy tạo nhịp tim và phụ kiện	Bộ	-Loại máy: Máy tạo nhịp tái đồng bộ tim, 3 buồng - Nhịp cơ bản đến 200 n/p. - Có nhịp thích ứng CLS, giúp giảm rung nhĩ. - Có kết nối wireless, có chương trình Home Monitoring theo dõi từ nhà. Đo trở kháng lồng ngực để theo dõi phù phổi	1
19	Bộ máy tạo nhịp tim và phụ kiện	Bộ	- Bộ máy tạo nhịp hai buồng nhịp thích - Tương thích MRI - Có chương trình giảm tạo nhịp ở tâm thất - Nhịp cơ bản có thể lên tới 200 bpm	15
20	Bộ máy tạo nhịp tim và phụ kiện	Bộ	- Thời gian hoạt động ≥ 16 năm - Tương thích MRI - Nhịp cơ bản có thể lên tới 200 bpm	5
21	Bộ máy tạo nhịp tim và phụ kiện	Bộ	- Bộ máy tạo nhịp hai buồng nhịp thích ứng - Thời gian hoạt động ≥ 11 năm - Tương thích MRI 1.5T và 3.0T toàn thân, tự động chuyển sang chế độ MRI khi phát hiện môi trường MRI. - Có chương trình giảm tạo nhịp ở thất - Điều chỉnh không dây, có chức năng giám sát từ nhà.	2
22	Bộ máy tạo nhịp tim và phụ kiện	Bộ	- Bộ máy tạo nhịp một buồng nhịp thích ứng - Tương thích MRI. - Thể tích ≤10 cm^3	5
23	Bộ máy tạo nhịp tim vĩnh viễn và phụ kiện	Bộ	- Máy tạo nhịp tim 2 buồng, đáp ứng tần số - Cho phép chụp MRI toàn thân 1.5T và 3T - Không giới hạn vùng chụp, thời gian chụp - Có chức năng: tự dộng điều chỉnh mức nhận cảm (Sensing Assurance), tự động điều chỉnh mức năng lượng đầu ra (Capture Management), khuyến khích hoạt động nội tại của tim (Search AV+), khuyến nghị thông số cài đặt cho bệnh nhân (TherapyGuide) - Cho phép lập trình biên độ an toàn lên tới 4 lần. - Thể tích ≤ 13 cm^3 - Khối lượng ≤ 28g	5
24	Bộ máy tạo nhịp tim vĩnh viễn và phụ kiện	Bộ	Máy tạo nhịp 1 buồng có đáp ứng tần số, cho phép chụp MRI toàn thân ở 1,5T và 3T. - Có chức năng: tự dộng điều chỉnh mức nhận cảm (Sensing Assurance), tự động điều chỉnh mức năng lượng đầu ra (Capture Management), khuyến nghị thông số cài đặt cho bệnh nhân (TherapyGuide) - Cho phép lập trình biên độ an toàn lên tới 4 lần. - Thể tích ≤ 10 cm^3 - Khối lượng ≤ 22g	5

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Số lượng
25	Bộ máy tạo nhịp tim vĩnh viễn và phụ kiện	Bộ	• Tạo nhịp và khử rung tim, 1 buồng, chuẩn DF4/DF1 • SureScan: cho phép chụp MRI toàn thân 1,5T và 3T • Vật liệu tiếp xúc mô: Titanium, polyurethane, silicone rubber. • Thiết kế độc quyền PhysioCurve: giảm áp lực lên ngực bệnh nhân. • RV Sense Polarity: cung cấp 2 lựa chọn lập trình cực tính nhận cảm thất phải.	1
26	Bộ phân phối	Bộ	- Có 2 cổng hoặc 3 cổng - Van khóa 3 ngã - Khóa dạng xoay - Chịu được áp suất ≥ 500psi - Đạt tiêu chuẩn GMP FDA	500
27	Bơm áp lực cao	Cái	- Dung tích: 20ml - Áp suất: ≥ 30atm - Đạt tiêu chuẩn GMP FDA	500
28	Bơm tiêm cản quang	Cái	- Dung tích 10ml; 20ml - Chất liệu trong suốt - Khóa Luer cố định - Đạt tiêu chuẩn GMP FDA	500
29	Bóng đo đường kính lỗ thông liên nhĩ	Bộ	- Chất liệu nhựa polymer tổng hợp (nylon) - Đường kính bóng: 18mm; 24mm; 34mm - Đường kính dây dẫn 0.035inch.	5
30	Bóng nong mạch ngoại vi	Cái	- Tương thích với dây dẫn đường kính tối đa 0.035". - Đường kính từ 3 tới 12 mm, độ dài từ 20 tới 200 mm. - Độ dài ống thông: 40, 80, 135 cm. - Phần xa của ống thông có lớp phủ ưa nước - Hai marker đánh dấu. - Đường kính đầu tip: 0.039"	20
31	Bóng nong mạch ngoại vi	Cái	+ Bóng sử dụng guide wire 0.014". + Có marker kép ở giữa bóng. + Đường kính bóng: Bóng thẳng (1.5mm đến 6.0mm), Bóng thuôn (2.0/1.5 đến 4.0/3.5mm). + Chiều dài bóng: từ 20 đến 210mm.	20
32	Bóng nong mạch ngoại vi	Cái	Tương thích dây dẫn: 0.018" Thiết kế ống thông đồng trục lõi kép. Bóng có lớp phủ ái nước. Đường kính bóng: 2.0mm đến 7.0mm. Chiều dài bóng: 20mm đến 150mm	20
33	Bóng nong mạch ngoại vi phủ thuốc	Cái	+ Phủ thuốc Paclitaxel ≥3.5µg /mm^2 + Bóng có đường kính 4mm đến 12 mm, chiều dài của bóng 40mm đến 150 mm + Catheter có thiết kế over the wire + Chiều dài hệ thống: 40 cm, 80cm và 130cm + Tương thích với dây dẫn: 0.035"	20

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Số lượng
34	Bóng nong mạch vành	cái	Bóng nong mạch vành áp lực cao - Khẩu kính đầu vào: ≤0.41mm - Chất liệu bóng: Fulcrum plus - Chiều dài catheter: ≥142cm - Đường kính bóng từ 2.0 mm đến 5.0mm - Đạt tiêu chuẩn FDA	50
35	Bóng nong mạch vành áp lực cao	cái	Áp lực gây vỡ bóng ≥20 atm - Chất liệu bóng LIGHT - Đường kính bóng từ 2.0 mm đến 5.0mm - Chiều dài từ 6mm đến 27mm - Đạt tiêu chuẩn FDA	60
36	Bóng nong mạch vành áp lực thường	cái	- Áp lực thường ≥8atm, áp lực vỡ bóng ≥14 atm - Khẩu kính đầu vào: ≤0.016" - Chất liệu bóng: Ultra-slim - Marker bằng Platinum Iridium - Chiều dài Catheter: ≥142 cm - Đường kính bóng từ 1.5mm đến 4.0mm, chiều dài từ 6mm đến 30mm - Đạt tiêu chuẩn FDA	50
37	Bóng nong động mạch ngoại biên	Cái	- Phú ái nước bền vững theo công nghệ HYDRAX. Marker bằng Tungsten. - Đường kính (mm): 1.25-12 - Chiều dài (mm): 10-200 - Chiều dài catheter (cm): 80, 100, 140, 150, 200	20
38	Bóng nong động mạch ngoại biên	Cái	- Chất liệu Nybax phủ Mediglide trơn láng trên bóng và đầu tip - Đường kính: 3-12 mm - Chiều dài: 20-200 mm - Dây dẫn tương thích 0.035".	20
39	Bóng nong động mạch ngoại biên	Cái	- Chất liệu Advanced PET - Chiều dài bóng: 20 mm đến 60 mm - Đường kính bóng: 12.0 đến 30.0mm.	5
40	Bóng nong động mạch ngoại biên phủ thuốc	Cái	Phủ thuốc paclitaxel, công nghệ nano TransferTech phủ nhiều lớp thuốc lên bề mặt bóng. Nồng độ Palitaxel là 3±0.3 µg/mm^2.	60
41	Bóng nong động mạch vành	Cái	Đầu vào bằng chất liệu PEBA Blend Đường kính có tối thiểu từ 1.75mm đến 5.00mm	40
42	Bóng nong động mạch vành	Cái	- Tiết diện thâm nhập đầu xa (hoặc tip entry profile): ≤ 0.017". - Chất liệu bóng Dual - layer - Có maker Platinum Iridium - Chiều dài: 6mm đến 30mm.	40
43	Bóng nong động mạch vành	Cái	- Có marker Platinium - Chất liệu bóng: OptiLeap - Đường kính bóng từ 1.2mm đến 4.0mm	40

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Số lượng
44	Bóng nong động mạch vành	Cái	- Chất liệu Polyamide - Áp lực định danh: ≥ 11atm, áp lực vỡ bóng đường kính 1.5, 2.0, 2.5mm là: ≥ 20atm - Khẩu kính đầu vào (Tip entry profile) ≤ 0.017", chiều dài đầu tip ≤ 4mm. - Đường kính thân gần catheter: ≤ 2.1F - Đường kính thân xa catheter: ≤ 2.6F - Đường kính thân giữa catheter: ≤ 2.5F	30
45	Bóng nong động mạch vành	Cái	- Vật liệu: Pebax. - Đường kính bóng từ 1.5mm đến 4.0mm - Chiều dài bóng từ 6mm đến 25mm - Thiết diện đầu tip: ≤ 0.017" - Đánh dấu cản quang bằng hợp chất Platinum và Iridium. - Có chứng nhận: CE, CFS Châu Âu.	100
46	Bóng nong động mạch vành áp lực cao	Cái	- Chất liệu bóng Polyamide - Có các điểm nổi trên thân bóng - Đường kính: 2.5 đến 4.0mm - Chiều dài: 8mm; 12mm; 16mm	40
47	Bóng nong động mạch vành áp lực cao	Cái	* Lớp phủ ái nước * Bóng có cấu trúc 3 lớp : lớp giữa là polyamide, lớp trong và lớp ngoài là elastomer * Vai bóng ngắn ≤3.0mm * Kích thước của bóng: - Đường kính bóng: có tối thiểu từ 2.0mm đến 4.5mm - Chiều dài bóng từ 6mm đến 30mm	60
48	Bóng nong động mạch vành áp lực cao	Cái	Đường kính đầu xa catheter: ≤ 0.9mm. Đường kính đầu gần catheter: ≤ 0.8mm Đường kính xâm nhập tổn thương (Tip profile): ≤ 0.8mm Đường kính bóng từ 1.50 đến 5.00mm Chiều dài bóng từ 8mm đến 40mm	50
49	Bóng nong đường niệu quản, đường mật	Cái	- Đường kính bóng 5mm; chiều dài bóng 4cm; 10cm	5
50	Bóng nong mạch máu áp lực cao	Chiếc	- Đường kính có kích thước: 4mm, 5mm, 6mm, 7mm, 8mm, 9mm, 10mm. - Chiều dài thân dẫn mang bóng loại 75cm và 120cm. - Áp lực nên đến 18atm.	30
51	Bóng nong mạch máu ngoại biên	Cái	- Chất liệu bóng: Nylon - Khẩu kính đầu tip (tip profile): ≤ 0.50mm - Tương thích với dây dẫn: 0.018" - Đường kính từ 2.0 đến 7.0mm - Độ dài bóng từ 20mm đến 280mm	50
52	Bóng nong mạch máu ngoại biên phủ thuốc	Cái	Phủ thuốc: Paclitaxcel (chống tăng sinh) và butyryl-tri-hexyl citrate (BTHC), mật độ phủ thuốc là ~3µg/mm². Đường kính bóng: từ 2mm đến 7mm. Chiều dài bóng: từ 40mm đến 120 mm.	20

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Số lượng
53	Bóng nong mạch máu ngoại biên phủ thuốc	Cái	- Phủ thuốc Paclitaxel. - Chất liệu bóng: Pebax - Đường kính bóng: từ 2mm đến 8 mm - Chiều dài bóng: từ 30mm đến 200 mm	10
54	Bóng nong mạch máu thần kinh	Cái	Bóng nong nội sọ hệ thống RX, chiều dài ống 160 cm, tiết diện đầu tip (entry profile) ≤0.016" Đường kính thân bóng (crossing profile): 0.023"-0.026". Đường kính bóng: 1.25mm - 4.0 mm, dài 10mm - 40 mm	15
55	Bóng nong mạch ngoại biên	Chiếc	Hệ thống RX, công nghệ Z-Tip Dây dẫn tương thích: 0.014 inch. Đường kính bóng: từ 1.5mm – 6 mm. Chiều dài bóng: từ 15mm – 240 mm.	20
56	Bóng nong mạch ngoại vi	Cái	- Chất liệu bóng hai lớp Crossflex - Đường kính bóng: từ 3mm đến 14 mm - Chiều dài: từ 20mm đến 250 mm	15
57	Bóng nong mạch vành	Cái	Chất liệu bóng nong Nylon 12. Lớp ngoài lubeplus Áp lực thường ≥12atm, vỡ bóng ≥22 atm. Chiều dài catheter ≥142cm. Đường kính từ 2.0mm đến 5.0mm Chiều dài từ 6mm đến 40mm. Có chứng nhận FDA	40
58	Bóng nong mạch vành	Cái	- Chất liệu: Polyamide resin. Tráng phủ ái nước - Khẩu kính đầu xa (entry profile): ≤ 0.4mm - Khẩu kính bóng (crossing profile): ≤ 0.6mm - Đường kính từ 1.0mm đến 4.0mm - Chiều dài bóng: từ 6mm đến 30mm	30
59	Bóng nong mạch vành	Cái	- Chất liệu: Polyamide resin. Tráng phủ ái nước - Khẩu kính đầu xa (entry profile): ≤ 0.42mm - Khẩu kính bóng (crossing profile): ≤ 0.55mm - Chiều dài bóng: từ 4mm đến 30mm	30
60	Bóng nong mạch vành	Cái	- Áp lực vỡ bóng ≥ 21 atm - Khẩu kính băng qua tổn thương ≤ 0,021" - Đường kính bóng tối thiểu ≤ 0.85mm, tối đa ≥1.1 mm. Độ dài bóng tối thiểu ≤ 6 mm, tối đa ≥ 20 mm.	30
61	Bóng nong mạch vành	Cái	* Bóng làm bằng chất liệu Polyamide * Đường kính trục: ≤1.9Fr/0.64mm: đoạn gần, 2.4Fr(0.79mm) - 2.7Fr (0.89mm) hoặc ≤2.6Fr (0.87mm): đoạn xa * Độ dài trục: ≥145 cm - Đường kính bóng: từ 1.0mm đến 4.0mm	50
62	Bóng nong mạch vành	Cái	Áp lực tối đa (RBP): ≥ 24 atm. Đầu bóng Z-tip Đường kính thân bóng: ≤ 0.0345 inch Tiết diện thâm nhập đầu xa (hoặc tip entry profile): ≤ 0.0169 inch. Đường kính bóng: từ 1.5 mm đến 5.0 mm.	120

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Số lượng
63	Bóng nong mạch vành áp lực cao	Cái	-Chất liệu: Semi Crystalline Polymer (SCP), -Số lớp: Bóng có 3 nếp gấp. -Số điểm cản quang: 2 điểm. - Chiều dài bóng từ 8mm đến 30mm -Đường kính bóng từ 2.0mm đến 5.0mm	140
64	Bóng nong mạch vành áp lực cao	Cái	- Vật liệu bóng: Quadflex - Hỗn hợp Nylon đặc biệt - Chiều dài khả dụng: ≥138 cm - Đường kính (mm): 2.50mm đến 4.00. - Chiều dài bóng (mm): 9; 13; 17; 21; 25; 33. - Đạt tiêu chuẩn GMP FDA	250
65	Bóng nong mạch vành áp lực cao	Cái	- Chất liệu: Polyamide resin. Tráng phủ ái nước - Khẩu kính đầu xa (entry profile): ≤ 0.44mm - Khẩu kính bóng (crossing profile): ≤ 0.86mm - Chiều dài: từ 8mm đến 30mm	30
66	Bóng nong mạch vành áp lực cao	Cái	- Vật liệu: Pebax, phủ lớp ái nước - Điểm đánh dấu: thép Tungsten - Đường kính: từ 1.5mm đến 5.0 mm.	50
67	Bóng nong mạch vành áp lực thường	Cái	Đầu tip sub-zero. Tiết diện thâm nhập đầu xa (hoặc tip entry profile): ≤ 0.016 inch. Đường kính: từ 0.85 mm đến 4 mm.	70
68	Bóng nong mạch vành dây dẫn kép	Cái	Hệ thống dây dẫn kép (dây dẫn đính kèm bằng Nitinol 0.011"). Đường kính: từ 1.75mm đến 4.0 mm.	40
69	Bóng nong mạch vành loại áp lực siêu cao	Cái	- Áp lực vỡ bóng ≥ 35bar. - Cấu trúc bóng 2 lớp - Đầu tip dài 4mm	40
70	Bóng nong mạch vành phủ thuốc	Cái	- Bóng nong động mạch vành phủ thuốc Paclitaxel - Chất liệu Comax II - Lượng thuốc phủ: Paclitaxel 3±0.2µg/mm^2; chất mang Iopromide -Kích cỡ bóng: đường kính từ 2.0mm đến 40mm	15
71	Bóng nong mạch vành phủ thuốc	Cái	- Phủ thuốc Paclitaxel (~3.0µg/mm^2) được hấp thu trên hợp chất hữu cơ kị nước Butyryl-tri-hexyl citrate (BTHC) -Chất liệu: Semi Crystalline Co-Polymer (SCP) -**Số lớp:** Bóng có 3 nếp gấp. -Chiều dài bóng: từ 10mm đến 30mm -Đường kính bóng: từ 2.0mm đến 4.0mm	15
72	Bóng nong mạch vành phủ thuốc	Cái	Phủ thuốc Sirolimus, hàm lượng thuốc 1.27µg/mm² được phủ bằng công nghệ Nano với chất mang thuốc Phospholipid - Đường kính: từ 1.5mm đến 4.0mm	20

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Số lượng
73	Bóng nong mành vành phủ thuốc	Cái	Chất phủ: Paclitaxel với hàm lượng 3.5 ± 0.2 µg/mm^2 Loại tá dược: Urê - cho phép phân bố thuốc phủ nhanh chóng trong vòng 30 giây đến 60 giây Đường kính bóng: từ 2,0 mm đến 4,0 mm Chiều dài bóng: từ 10mm đến 30 mm (chiều dài bóng 30 mm không khả dụng với các đường kính 2,25 mm hoặc 2,75 mm)	20
74	Bóng nong máu ngoại biên	Cái	- Chất liệu Pebax trên bóng phủ lớp ái nước. - Có 2 marker bằng vàng. - Có 2 dạng: Monorail và Over-the-wire. Chiều dài catheter: 40cm; 80cm; 90cm; 135cm; 150 cm. - Đường kính bóng: từ 2.0mm đến 10.0mm, chiều dài bóng từ 10mm đến 220mm. Tương thích dây dẫn 0.014"/0.018". Đạt Tiêu chuẩn FDA	25
75	Bóng nong ngoại biên	Cái	- Đường kính bóng tối thiểu ≤ 2.00mm, tối đa ≥ 5.00mm. Chiều dài bóng tối thiểu ≤ 20mm; tối đa ≥ 150mm. - Tương thích dây dẫn: 0.018"	20
76	Bóng nong ngoại biên	Cái	- Đường kính: từ 2.0mm đến 6.0 mm - Chiều dài: từ 20mm đến 200 mm	15
77	Catheter chụp mạch não	Cái	* Cấu tạo: 2 lớp Nylon rich Polyurethane với lớp đan kép ở giữa * Kích thước: - Đường kính lòng ống: 4Fr hoặc 5Fr - Chiều dài: ≥100 cm	100
78	Catheter chụp mạch ngoại biên	Cái	* Kích thước: ≥ 5Fr với đường kính trong ≥ 1.1 mm * Chiều dài: 65 cm đến 100 cm	70
79	Catheter chụp tim	Cái	* Kích thước: - Đường kính lòng ống: 4Fr hoặc 5Fr - Chiều dài: ≥100 cm	100
80	Chất tắc mạch dạng lỏng	Lọ	Chất tắc mạch vĩnh viễn, thành phần bao gồm Ethylene Vinyl Alcohol (EVOH), Dimethyl Sulfoxide (DMSO) và Tantalum để có tính cản quang. EVOH với thành phần 48 mol/l Ethylene và 52 mol/l Vinyl alcohol hòa tan trong dung môi DMSO với 2 tỷ lệ khác nhau 6%, 8%. Dung tích ≥1.5ml	20
81	Cuộn nút mạch não (coils)	Cái	Được làm từ chất liệu Platinum. Đường kính: từ 1.5mm đến 20mm. Được cắt bằng dụng cụ cắt cơ học	70
82	Cuộn nút mạch não (coils)	Cái	Chất liệu Platinum, đường kính sợi coil là ≤ 0.0108". Đường kính: 1mm, 1.5mm, 2mm, 2.5mm, 3mm, 3.5mm. Chiều dài: 2cm, 3cm, 4cm, 6cm, 8cm, 10cm. Được cắt bằng dụng cụ cắt cơ học	50

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Số lượng
83	Đầu dò siêu âm trong lòng mạch máu	Cái	Tần số phát: 20 MHz	20
84	Đầu dò siêu âm trong lòng mạch máu	Cái	Tần số phát: 45 MHz	20
85	Dây dẫn can thiệp mạch vành	Cái	- Chất liệu nền thép không rỉ Durasteel, bọc Polymer toàn thân, phủ lớp ái nước. - Độ nặng đầu xa (tip load) 1.2g - Độ dài 190cm hoặc 300cm	30
86	Dây dẫn can thiệp tim bẩm sinh	Cái	- Chất liệu dây dẫn làm từ thép không gỉ với lớp phủ PTFE bên ngoài. - Đường kính dây dẫn: 0.035" - Chiều dài: 260cm, 300cm	30
87	Dây dẫn chụp mạch vành	Cái	- Dây dẫn phủ lớp ái nước - Kích cỡ: đường kính 0.025"; 0.035"; 0.038" - Có các loại đầu: đầu cong; đầu chữ J; đầu thẳng. - Chiều dài: 150cm; 180cm; 200cm.	300
88	Dây dẫn đường (guide wire) can thiệp mạch ngoại biên	Cái	- Đường kính dây dẫn 0.014" - Chất liệu lõi Scitanium. - Chiều dài dây dẫn: 182cm, 300 cm - Đạt Tiêu chuẩn FDA	10
89	Dây dẫn đường (guide wire) can thiệp mạch ngoại biên	Cái	- Đường kính dây dẫn 0.018" - Chất liệu lõi Scitanium - Chiều dài dây dẫn 110, 150, 200, 300 cm - Đạt Tiêu chuẩn FDA	10
90	Dây dẫn đường cho bóng và stent	Cái	Cấu tạo: Đầu ngoại biên hợp kim NiTi. Vòng xoắn có lớp phủ chống thấm Kích thước: Đường kính: 0.014" ± 0.01" Chiều dài: ≥180cm Chiều dài đầu chắn bức xạ ≥3cm	500
91	Dây dẫn đường cho Catheter	Cái	* Cấu tạo: - Lõi là vật liệu Nitinol - Lớp ngoài là Polyurethane, tăng tính cản quang bằng lớp Tungsten - Lớp phủ ái nước, M coat * Kích thước: - Chiều dài: ≥ 260 cm - Đường kính: 0.035" ± 0.01"	200
92	Dây dẫn đường cho Catheter	Cái	* Cấu tạo: - Lõi là vật liệu Nitinol - Lớp ngoài là Polyurethane, tăng tính cản quang bằng lớp Tungsten. * Kích thước: - Chiều dài: ≥150 cm - Đường kính: 0.035" ± 0.01"	500
93	Dây điện cực dùng cho máy tạo nhịp tạm thời	Cái		5
94	Dây đo áp lực trữ lượng mạch vành	Cái	Chiều dài: ≥ 180 cm	30

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Số lượng
95	Dây nối áp lực cao	Cái	- Chiều dài dây: từ 30cm đến 120cm - Chịu được áp lực ≥1200 psi - Đạt tiêu chuẩn GMP FDA	200
96	Dù bảo vệ chống tắc mạch	Cái	- Đầu tip cản quang dạng lò xo xoắn. - Chất liệu lưới lọc: Polyurethane, vòng lọc bằng Nitinol - Chiều dài dây dẫn: 190cm, 300 cm.	7
97	Dù đóng còn ống động mạch	Cái	Chất liệu: Polyester và Nitinol dệt lẫn nhau. • Đường kính dù tại động mạch chủ: từ 5mm đến 16mm. • Đường kính dù tại động mạch phổi: từ 4mm đến 14mm	5
98	Dù đóng còn ống động mạch	Cái	Đường kính thắt lưng: từ 3mm đến 6mm Đường kính bít: từ 9mm đến 12mm.	5
99	Dù đóng lỗ Thông Liên Nhĩ	Cái	Chất liệu: hợp kim Nitinol Đường kính eo: từ 4mm đến 40mm.	10
100	Dù đóng lỗ thông liên thất phần cơ	Cái	Chất liệu Nitinol. Đường kính: từ 4mm đến 18mm.	1
101	Dụng cụ bảo vệ ngoại vi	Cái	- Đường kính lưới lọc: từ 3mm đến 7mm - Độ dài dây dẫn 190cm hoặc 320cm. - Miệng lưới lọc có 1 khung tròn chất liệu Vàng - Tungsten - Chất liệu lưới lọc: Nitinol	7
102	Dụng cụ chọc tách huyết khối	Cái	Đường kính đầu chia tách huyết khối: 0.068"; chiều dài tương ứng: ≥150cm.	2
103	Dụng cụ chọc vách các cỡ	Cái		3
104	Dụng cụ điều khiển dây dẫn	Cái	- Chiều dài: 330cm. - Đường kính: 0.014"	5
105	Dụng cụ đóng mạch	Bộ	*Cấu tạo: Bao gồm các thành phần sau : - 01 dây dẫn cỡ 0.035" hoặc 0.038" dài 70cm - 01 Que nong tác dụng định vị - 01 Ống thông mở đường - Bộ phận đóng mạch * Bộ đóng mạch sử dụng cơ chế kép với 1 móc neo bên trong lòng mạch và 1 collagen bên ngoài lòng mạch. * Kích cỡ: 6Fr và 8Fr	50
106	Dụng cụ đóng mạch máu	Cái	Dụng cụ đóng mạch máu cho lỗ chọc từ 12F cho đến 25F bao gồm một tay cầm có một miếng đệm collagen có thể tự tiêu, một khóa cản quang và một neo polyme có thể hấp thụ sinh học, nối bằng một chỉ khâu không tan. Có các cỡ: 14Fr ; 18Fr. Xuất xứ G7 hoặc Châu Âu	3
107	Dụng cụ đóng mạch sau can thiệp	Cái	- Đóng mạch bằng chỉ Monofilament Polypropylene - Sử dụng lỗ vào động mạch 5F/Fr đến 21F/Fr - Kim: thép không gỉ	50

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Số lượng
108	Dụng cụ hỗ trợ bung dù đóng vách ngăn còn ống động mạch	Bộ	Các cỡ: từ 5F/Fr đến 9F/Fr Độ cong đầu xa (Tip): 180 độ	10
109	Dụng cụ hỗ trợ bung dù đóng vách ngăn liên nhĩ	Bộ	Các cỡ: từ 6F/Fr đến 13F/Fr Độ cong Tip: 45 độ	10
110	Dụng cụ hỗ trợ bung dù đóng vách ngăn liên thất	Bộ	Các cỡ: 4F/Fr hoặc 5F/Fr Chiều dài Catheter: 60cm hoặc 80cm.	1
111	Dụng cụ mở đường dùng cho can thiệp mạch máu	Cái	Chiều dài: từ 45cm đến 120cm. Đường kính: từ 4F/Fr đến 8F/Fr	20
112	Dụng cụ mở đường vào động mạch	Bộ	Gồm các cỡ: 4F/Fr, 5F/Fr, 6F/Fr Chiều dài: ≥ 7cm Đường kính dây dẫn ≤0.025" Kim 20G. Phủ lớp ái nước M Coat. Dao rạch da Dây dẫn: hợp kim Nitinol siêu đàn hồi	500
113	Dụng cụ mở đường vào động mạch	Bộ	Gồm các cỡ: 4F/Fr, 5F/Fr, 6F/Fr, 7F/Fr, 8F/Fr Chiều dài: ≥10cm Bộ bao gồm: + Đường kính dây dẫn: ≥ 0.035" + Kim 18G. + Dây dẫn: hợp kim Nitinol siêu đàn hồi + Bơm tiêm cỡ 2.5 ml Van cầm máu hình chữ thập kiểu "Cross-Cut"	200
114	Dụng cụ mở đường vào động mạch quay	Cái	* Dây dẫn: dài 45cm hoặc 80cm; đường kính: 0,021" hoặc 0,025". * Chiều dài dụng cụ (sheath): 10cm hoặc 16cm * Kích thước: cỡ 5F/Fr hoặc 6F/Fr hoặc 7F/Fr	50
115	Dụng cụ nút mạch bằng dù	Cái	- Tắc mạch khu vực đặt đa dạng - Thiết kế lưới Nitinol nhiều cuộn - Đường kính dù: từ 3mm đến 22 mm	8
116	Dụng cụ nút mạch bằng dù	Cái	- Đường kính dù: từ 4mm đến 8 mm.	2
117	Giá đỡ (Stent) động mạch vành phủ thuốc	Cái	Stent sinh học phủ thuốc điều trị kép (lớp phủ Sirolimus trên nền polymer tự tiêu ngoài stent và lớp phủ kháng thể Anti CD34 trong stent)	20
118	Giá đỡ (Stent) động mạch vành phủ thuốc	Cái	- Vật liệu stent bằng Cobalt chromium - Chất liệu bóng mang stent là Semi Crystalline Polymer. - Đường kính từ 2.25mm - 3.0 mm có kích thước thanh stent siêu mỏng ≤ 60 µm, đường kính 3.5mm, 4.0 mm có kích thước thanh stent ≤80 µm. - Kích thước: đường kính: từ 2.25mm đến 4.0mm; chiều dài: từ 9mm đến 40mm - Có chứng nhận FDA	35

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Số lượng
119	Giá đỡ (stent) lấy huyết khối	Cái	Thiết bị đường kính 4.5 mm, chiều dài thiết bị ≥ 25mm. Chiều dài dây dẫn ≥ 200cm.	5
120	Giá đỡ (Stent) lấy huyết khối	Bộ	Thiết kế xoắn ốc dọc thân, vòng "ring" khép kín, 3 marker Tương thích với micro ID: 0.021", 0.0165/0.017" (LITE) Đường kính: từ 3mm đến 6 mm. Chiều dài: từ 20mm đến 50 mm	5
121	Giá đỡ (stent) mạch ngoại vi	Cái	Stent tự bung, làm bằng nitinol Đường kính: từ 6mm đến 10 mm Chiều dài: từ 20mm đến 60 mm Khung giá đỡ gồm 02 loại: Thẳng và Thuôn (Tapered). Với Khung giá đỡ đầu thuôn: đường kính là 8mm/6mm, 10mm/7mm và chiều dài 30mm, 40 mm.	7
122	Giá đỡ (stent) mạch vành phủ thuốc	Cái	Phủ thuốc Zotarolimus Thanh khung giá đỡ bằng chất liệu hợp kim Cobalt. Đường kính stent: từ 2.25mm đến 4.0mm Đạt tiêu chuẩn FDA, CE	60
123	Giá đỡ (stent) mạch vành phủ thuốc	cái	- Chất liệu: lớp vỏ ngoài bằng hợp kim Cobalt, lõi bằng Platinum Iridium - Phủ thuốc Zotarolimus - Đường kính stent: từ 2.0mm đến 5.0 mm - Đạt tiêu chuẩn FDA	40
124	Giá đỡ (stent) mạch vành phủ thuốc	Cái	- Chất liệu: CoCr (Cobalt Chromium L605). - Phủ thuốc Sirolimus với liều lượng thuốc tương đương: 1.3 ± 0.05 $\mu g/mm^2$ - Kích thước: + Đường kính: từ 2.25 mm đến 4.5 mm + Dài: từ 9 mm đến 48 mm. - Đạt tiêu chuẩn GMP FDA	200
125	Giá đỡ (stent) mạch vành phủ thuốc	Cái	- Chất liệu: Cobalt Chromium (CoCr) - Phủ thuốc Biolimus A9	50
126	Giá đỡ bổ sung cho động mạch chủ bụng hoặc động mạch chủ ngực	Cái	- Chất liệu: Stent: Nitinol; Graft: Polyester mật độ cao - Phù hợp với giá đỡ có marker chữ "e" hoặc giá đỡ có marker số 8 - Chiều dài stent: từ 82mm đến 200mm - Có tiêu chuẩn chất lượng CE và PMA	2
127	Giá đỡ động mạch chủ bụng	Bộ	- Chất liệu: Stent: Nitinol, Graft: Polyester đa sợi mật độ cao, chỉ khâu: polyethylene siêu cao phân tử - Có marker chữ "e", đầu gần có stent chữ M. - Hệ thống đưa stent có đường kính ngoài tối thiểu ≤ 14F/Fr, đường kính ngoài tối đa ≤ 20F/Fr, phủ lớp ái nước, bung stent bằng cách xoay tròn. - Đường kính đầu gần Stentgraft thân chính: từ 23mm đến 36mm; đường kính thân stentgraft nối dài: từ 10mm đến 36mm; chiều dài thân stentgraft nối dài: từ 49mm đến 199mm. - Có tiêu chuẩn chất lượng CE và PMA	2

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Số lượng
128	Giá đỡ động mạch chủ ngực	Bộ	- Chất liệu: Stent: Nitinol; Graft: Polyester mật độ cao. - Có marker số 8 bằng Platinum Iridium ở đỉnh và giữa stent - Đầu gần có ≥ 8 đỉnh stent trần không lớp phủ, chiều dài ≥ 12mm. - Hệ thống đưa stent phủ lớp ái nước, bung stent bằng cách xoay tròn. - Đường kính Stent: từ 22mm đến 46mm - Có tiêu chuẩn chất lượng CE và PMA	2
129	Giá đỡ động mạch vành	Cái	- Vật liệu: L-605 Cobalt Chromium. Phủ thuốc Everolimus. Hàm lượng thuốc: ≤ 100 µg/cm² - Độ dày thanh chống: ≥ 80µm - Stent dài nhất có chiều dài: ≥ 48mm. - Có chứng nhận CE hoặc FDA	15
130	Giá đỡ động mạch vành	Cái	- Hàm lượng thuốc: ≤1 µg/mm² - Vật liệu: L-605 Cobalt Chromium; phủ thuốc Everolimus - Giới hạn độ giãn nở (Post- Dilatation limit) : từ size 2.0mm đến 3.25mm có thể nở tối đa lên đến ≥ 3.75 mm; từ size 3.5mm đến 4.0mm có thể nở tối đa lên đến ≥ 5.5mm - Độ dày thanh chống: ≥ 80µm - Có xuất xứ các nước G7	30
131	Giá đỡ động mạch vành phủ thuốc	Cái	Stent được sản xuất từ hợp kim Cobalt Chromium (L-605), phủ thuốc Amphilimus, không có polymer. Chiều dài: từ 9mm đến 46 mm Đường kính: từ 2.25mm đến 4.5 mm	20
132	Giá đỡ động mạch vành phủ thuốc	Cái	- Stent chất liệu Platinum Chromium - Phủ thuốc Everolimus, thuốc Everolimus được hấp thu hoàn toàn sau 3 tháng - Polymer tự tiêu hoàn toàn sau 4 tháng (120 ngày), lớp Polymer PLGA chỉ phủ ở mặt stent áp thành mạch - Đường kính stent: từ 2.25mm đến 5.0mm. - Chiều dài: từ 8mm đến 48mm.	40
133	Giá đỡ mạch máu não	Cái	Stent được thiết kế bằng hợp kim tự bung trong đó có 25% platinum - Tungsten và 75% cobalt chromium, có bề mặt bao phủ kim loại 30-35%. Đường kính: từ 2.5 đến 5mm, chiều dài từ 10mm đến 35mm.	2
134	Giá đỡ mạch máu ngoại biên	Cái	Stent giãn nở bằng bóng Chất liệu: Cobalt Chromium (L605). Đường kính: từ 4.5mm đến 7mm. Chiều dài: từ 12mm đến 19mm.	5
135	Giá đỡ mạch máu ngoại biên loại tự bung	Cái	Thiết kế stent: Đỉnh đến lõm (Peak-to-Valley) và các thanh liên kết với nhau bằng khớp nối chữ S (S-articulations) Chất liệu: Nitinol. Đường kính: từ 7.0mm đến 10.0 mm.	5
136	Giá đỡ mạch não	Cái	Làm bằng Nitinol, đường kính: từ 3mm đến 6mm, chiều dài: từ 15mm đến 40mm, có 3-4 marker đầu xa.	20

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Số lượng
137	Giá đỡ mạch não	Cái	Làm bằng Nitinol, đường kính: từ 4mm và 6mm, chiều dài: từ 20mm đến 40mm, 1 marker đầu gần, có 3-4 marker đầu xa. Sợi đẩy có đường kính 0.018" và dài ≥ 200cm.	20
138	Hạt nút mạch	Lọ	- Gồm hàng loạt hạt vi cầu dạng hydrogel có khả năng tương thích sinh học, ái nước. - Được sản xuất từ rượu Polyvinyl. - Có nhiều kích cỡ: 70µm - 150µm; 100µm - 300µm; 300µm - 500µm; Thể tích của hạt: 2ml. - Có khả năng ngậm thuốc doxorubicin lên đến 37,5 mg/ml hạt. - Hạt sau khi tải doxorubicin bảo quản trong nhiệt độ 2-8 độ C có thể giữ được tới 14 ngày hoặc 7 ngày nếu trộn cản quang.	30
139	Hạt nút mạch	Xy lanh	* Công thức: PEG (Polyethylene Glyco) với hệ số nén cao, tính đàn hồi, ái nước. * Kích cỡ hạt: 100 ± 25 µm,200 ± 50 µm, 400 ± 50 µm * Được bổ sung thêm các liên kết Sufonate để tải các thuốc trị liệu và giải phóng trong gan * Thể tích hạt 2ml	25
140	Hạt nút mạch	Xy lanh	* Vật liệu chính: PEG (Polyethylene Glyco): có khả năng tương thích sinh học, chịu nén và ái nước. * Kích cỡ: từ 75µm đến 1100µm * Thể tích của hạt: 2ml.	5
141	Hạt nút mạch	Lọ	- Hạt nút mạch PVA không tải thuốc chất liệu Polyvinyl Alcohol. - Có nhiều kích cỡ: 45-150 microns; 150-250 microns; 250-355 microns; 355-500 microns; 500-710 microns; 710-1000 microns; 1000-1180 microns.	15
142	Hệ thống coil nút mạch bằng kim loại	Cái	- Hệ thống coil bao gồm 1 vòng xoắn được bao phủ dày đặc bởi các sợi Dacron , được nối bởi khóa, có thể thu lại coil. - Công nghệ Interlock. - Đường kính 2/6–22 mm và chiều dài đến 60 cm. - Hình dạng coil: 2D, Diamond, Cube.	30
143	Keo (sinh học) dán da, dán mô dùng trong phẫu thuật các loại	Lọ		200
144	Khung giá đỡ (stent) động mạch ngoại vi có phủ thuốc	Cái	- Stent ngoại vi tự bung nhớ hình bằng sheath - Chất liệu Nitinol, phủ thuốc Paclitaxel. - Đường kính: từ 6mm đến 7mm. - Chiều dài: từ 40mm đến 150mm. Chiều dài trục thân: 75cm, 130cm. - Có chứng nhận FDA	20
145	Khung giá đỡ (Stent) kéo huyết khối mạch não	Cái	- Đường kính stent: từ 1.5mm đến 6mm; tương thích microcatheter đường kính trong ≥ 0.021"; chiều dài ≥ 30mm.	10
146	Khung giá đỡ (stent) niệu quản	Cái	- Đường kính stent: 8mm (24Fr); 10mm (30Fr) - Chiều dài stent: 80mm; 100mm; 120mm - Thiết kế phủ toàn bộ bằng Polymer	3

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Số lượng
147	Khung giá đỡ can thiệp	Cái	- Cấu trúc Nitinol thẳng hoặc thuôn - Mạch thẳng: đường kính: từ 7mm đến 10 mm, chiều dài: 20mm, 30 mm - Mạch hai đầu không bằng nhau đường kính: 6-8mm, 7-9mm, 8-10 mm, chiều dài: 30mm, 40 mm	10
148	Khung giá đỡ động mạch cảnh	Cái	- Khung giá đỡ làm bằng hợp kim Egiloy - Đường kính khi bung tối đa: từ 6mm đến 10 mm - Thiết kế stent mắt đóng, stent có thể thu lại sau khi đã được bung ra tối đa đến 50%. - Catheter khả dụng: 135cm.	7
149	Khung giá đỡ động mạch vành	Cái	- Phủ thuốc Sirolimus - Có thanh liên kết hình chữ S, độ dày thanh liên kết: ≤65 µm, phủ Polymer - Chiều dài hệ thống phân phối: ≥145 cm - Đường kính stent: từ 2.25mm đến 4.0mm - Có độ dài stent dài nhất ≥55mm	60
150	Khung giá đỡ động mạch vành có màng bọc	Cái	* Chất liệu: Cobalt Chromium , có phủ bởi 1 lớp màng (89±25µm) làm bằng PTFE . * Kích thước: - Đường kính: từ 2.5mm đến 5.0mm - Chiều dài: từ 8mm đến 24 mm	3
151	Khung giá đỡ động mạch vành phủ thuốc	Cái	* Khung giá đỡ động mạch vành phủ thuốc Ridaforolimus. * Chất liệu Cobalt-Chromium, có phủ lớp Polymer. * Kích thước: - Đường kính: từ 2.5mm đến 4.0 mm - Chiều dài: từ 8mm đến 44mm - Có chứng nhận FDA	30
152	Khung giá đỡ mạch vành phủ thuốc	Cái	Khung bằng hợp kim Cobalt Chromium, thuốc Sirolimus trộn với Polymer mang thuốc có cấu trúc 3 lớp, khung stent dày ≤ 60µm, thanh liên kết chữ Z Chiều dài stent: từ 8mm đến 48mm. Đường kính: từ 2.0mm đến 4.5mm	20
153	Khung giá đỡ mạch vành phủ thuốc Sirolimus	Cái	* Vật liệu : Cobalt-Chromium L605. Độ dày ≥ 80 µm. * Phủ thuốc: Sirolimus (dùng polymer tự tiêu phủ mặt stent áp thành mạch, phủ thuốc theo bậc thang nồng độ.) Liều lượng: ≥ 3.9 µg/mm chiều dài khung giá đỡ động mạch Vật liệu bóng: Material Nylon 12 * Kính thước của khung giá đỡ động mạch: - Đường kính: từ 2.25mm đến 4.0mm - Chiều dài: từ 9mm đến 38mm * Đầu tip được làm bằng vật liệu: Polyamide Elastomer * Stent có khả năng mở liên kết cho can thiệp nhánh bên	60

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Số lượng
154	Kim chiba	Cái	- Đầu vát - Làm bằng thép không gỉ - Đường kính: 18G, 20G; 22G; Chiều dài: 15cm, 20cm; 28cm	15
155	Kim sinh thiết lấy mẫu mô nhanh dùng cho sinh thiết, không cần dùng súng	Cái	- Bộ sinh thiết bán tự động, cho phép lấy sinh thiết theo 2 nấc: 1cm và 2cm - Chiều dài kim: 100mm, 150mm, 200mm. - Đường kính kim: 14G, 16G, 18G, 20G	15
156	Lưới lọc tĩnh mạch chủ dưới tạm thời	Cái	Chất liệu Nitinol . Xử lý bề mặt bằng điện phân. Đường kính 30mm, với 6 móc neo. Chiều dài ống thông dẫn: 70cm hoặc 100cm.	7
157	Máy tạo nhịp tim và phụ kiện	Bộ	Bộ máy tạo nhịp tim loại 2 buồng - Sử dụng ≥ 2 loại cảm biến để điều chỉnh nhịp - Tương thích MRI 1.5T và 3T - Có kết nối không dây bằng sóng cao tần	5
158	Ống thông (Catheter) can thiệp siêu nhỏ	Cái	- Đường kính ngoài: ≤2.0F/Fr (≤0.67mm) - Đường kính trong: ≤0.019" (≤0.49mm) - Chiều dài: 130 cm hoặc 150 cm	20
159	Ống thông (Catheter) can thiệp siêu nhỏ	Cái	- Đường kính ngoài: ≥2.7F/Fr - Đường kính trong: ≥0.025" - Chiều dài: 130 cm hoặc 150 cm - Dây dẫn tương thích: ≤0.021"	40
160	Ống thông (Catheter) can thiệp siêu nhỏ	Cái	- Đường kính ngoài đoạn xa: ≤ 1.8F/Fr - Đường kính ngoài đoạn gần: ≤ 2.6F/Fr - Chiều dài: ≥ 130cm	10
161	Catherer chụp mạch vành	Cái	* Hình dạng đầu kiểu Brachial * Chịu áp lực ≥1200psi (≥8274kPa) * Kích thước: - Đường kính trong: 4F/Fr (1.05 mm) hoặc 5F/Fr (1.2 mm) - Chiều dài: ≥100 cm	500
162	Ống thông (dây đốt) điều trị suy giãn tĩnh mạch	Cái	- Chiều dài dây: ≥2.5m - Đường kính dây: 600µm, 400µm. - Đường kính đầu phát nhiệt: 1.0mm; 1.8mm. - Đầu đốt phát xạ năng lượng tỏa tròn. - Vòng toả nhiệt 360 độ, góc phát nhiệt 60 độ so với đầu kim. - Đầu phát nhiệt bọc thuỷ tinh - Xuất xứ Châu Âu hoặc G7	120
163	Ống thông can thiệp các loại, các cỡ	Cái	Kỹ thuật đan lưới lòng ống sợi dẹt toàn bộ thành ống. Lớp áo ngoài bằng chất liệu Vest-Tech Nylon Đường kính trong: cỡ 5F/Fr, 6F/Fr, 7F/Fr, 8F/Fr. Đạt tiêu chuẩn FDA	500

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Số lượng
164	Ống thông can thiệp mạch máu thần kinh	Cái	- Kích thước ống thông: từ 6F/Fr đến 8 F/Fr - Chiều dài: từ 80 cm đến 110 cm.	18
165	Ống thông can thiệp mạch máu thần kinh	Cái	- Đường kính trong ≥ 0.043" - Đầu xa (tip) dạng thẳng - Chiều dài 120cm hoặc 125cm hoặc 130cm	20
166	Ống thông can thiệp tim mạch các loại, các cỡ	Cái	Tiết diện trong ống rộng: 6F/Fr; 7F/Fr; 8F/Fr Có các loại: JR, JL, AL, SAL, AR, PB, SPB, RB, SC, HS, IM, MP	100
167	Ống thông chẩn đoán	cái	- Các cỡ 5F/Fr hoặc 6F/Fr - Đường kính trong ≥0.047"(cỡ 5F/Fr) hoặc ≥0.056" (cỡ 6F/Fr) - Kỹ thuật đan lưới lòng ống sử dụng dây bện đôi nằm giữa lớp polymer - Chiều dài: 100cm hoặc 110cm	300
168	Ống thông có mũi khoan của Hệ thống bào mảng xơ vữa	Cái	- Bao gồm: Ống thông có mũi khoan đính kim cương và dụng cụ đẩy - Các cỡ đầu khoan: từ 1.25mm đến 2.50mm	10
169	Ống thông dẫn đường can thiệp mạch máu ngoại biên tắc mãn tính	Cái	- Đường kính: 0.014", 0.018", 0.035". - Chiều dài: 90cm, 135cm, 150cm. - Đạt Tiêu chuẩn FDA	5
170	Ống thông dẫn đường dùng trong can thiệp động mạch	Cái	Chất liệu: Polymer tăng cường vòng xoắn Stainless Steel, lớp trong PTFE. Đường kính: từ 4F/Fr đến 8F/Fr. Hệ thống dây dẫn: 0.035". Đạt chứng nhận: FDA, CE.	20
171	Ống thông dẫn đường dùng trong can thiệp mạch	Cái	Kích cỡ 6F/Fr. Đường kính trong ≥0.088". Chiều dài: 80cm hoặc 90cm.	30
172	Ống thông dẫn đường nối dài	Cái	Thiết kế đoạn phân phối nhanh dài ≥ 25cm với hai điểm đánh dấu huỳnh quang trên thân ống. Đoạn cổ dạng half-pipe dài ≥17cm. Có các cỡ: từ 5F/Fr đến 8F/Fr. Chiều dài làm việc: ≥ 150cm. Xuất xứ G7 hoặc Châu Âu	5
173	Ống thông dùng để cấy dây dẫn tín hiệu cho máy tạo nhịp	Cái	- Chiều dài: 32 cm/ 39 cm - Đường kính trong: ≥ 2.44 mm (7.3F/Fr), đường kính ngoài : ≥ 2.91 mm (8.7F/Fr)	10
174	Ống thông dùng trong can thiệp tim mạch	Cái	- Lớp phủ: Z-Glide - Có marker cản quang - Các cỡ: 6F/Fr, 7F/Fr, 8F/Fr và 6F/Fr long - Chiều dài làm việc: ≥150cm - Cổ nối xoắn ốc chất liệu bằng Platinum Iridium	5
175	Ống thông hút huyết khối	Cái	Ống hút huyết khối đường kính trong ≥0.071", đường kính ngoài ≥0.085". Chiều dài ≥132cm	20

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Số lượng
176	Ống thông hút huyết khối	Cái	Đường kính trong đầu xa ≥ 0.035". Đường kính ngoài đầu xa ≥ 3,8F/Fr; Đường kính ngoài đầu gần ≥ 4,7F/Fr. Chiều dài làm việc ≥ 160cm.	5
177	Ống thông hút huyết khối	Cái	Đường kính đầu ngoài đầu gần 8Fr, đường kính đầu ngoài xa 8Fr.	5
178	Ống thông hút huyết khối dùng trong can thiệp mạch	Cái	Kích cỡ đường kính ngoài đầu gần ≤ 6F/Fr. Có tối thiểu 3 cỡ: 0.062", 0.068"; 0.072". Đường kính trong đầu xa lớn nhất có kích cỡ ≥ 0.072". Chiều dài ≥ 132cm.	60
179	Ống thông nối dài dùng trong can thiệp mạch	Cái	Trục ống với thiết kế dây dẫn kép với đầu vào hình dáng loe (flared) Kích cỡ: từ 5.5F/Fr đến 8F/Fr. Chiều dài ≥150 cm	5
180	Ống thông siêu âm nội mạch	Cái	Tần số: 60MHz	50
181	Ống thông siêu âm nội mạch	Cái	Tần số: 40 MHz	60
182	Ống thông siêu nhỏ 2 nòng	Cái	- Chất liệu: Polyamide resin và Polyimide - Lòng trong nòng: ≤ 0.42mm (0.0165") - Đầu tip: ≤ 0.45mm	5
183	Ống thông siêu nhỏ trợ giúp can thiệp mạch máu não	Cái	Vi ống thông siêu nhỏ đường kính trong ≥0.025". Đường kính ngoài đầu xa 2.6F/Fr; đầu gần 2.95F/Fr; Chiều dài ≥160cm.	40
184	Ống thông siêu nhỏ trợ giúp can thiệp mạch máu não	Cái	Vi ống thông siêu nhỏ đường kính trong ≥0.025". Đường kính ngoài đầu xa 2.6F/Fr; đầu gần 2.95F/Fr; Chiều dài ≥150cm.	20
185	Ống thông trợ giúp can thiệp mạch vành	Cái	- Lớp phủ: Hydroplilic coating. - Vật liệu ống: Polyamide - Lớp bện: lớp lưới đan kép 2x2 - Đường kính lòng ống: 5F/Fr, 6F/Fr, 7F/Fr, 8F/Fr	50
186	Stent (Giá đỡ) mạch vành phủ thuốc	Cái	- Chất liệu Cobalt Chromium L605 Co-Cr, phủ polymer tự tiêu sinh học PLA và thuốc Sirolimus, bề mặt thành stent được khoét thêm các rãnh phủ polymer tự tiêu sinh học và mang thuốc - Liều thuốc phủ: ≤ 0.3 microgram/mm^2. - Độ dày thanh stent ≥ 86µm - Đường kính: từ 2.25mm đến 4.00mm - Chiều dài: từ 13mm đến 38mm - Có chứng nhận: CE	60
187	Stent đỡ tĩnh mạch	Cái	Stent Nitinol. Các vòng thiết kế độc lập. Đường kính có: 12mm, 14mm, 16mm, 18mm. Chiều dài: 60mm, 80mm, 100mm, 120mm, 150mm. Thích hợp trên dây dẫn 0.035", sử dụng với thiết bị ≤10F/Fr.	8

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Số lượng
188	Stent động mạch vành phủ thuốc các cỡ	Cái	- Stent mạch vành chất liệu Cobalt Chromium phủ thuốc Sirolimus. - Chu vi mắt cáo ≥ 18mm khi bung - Độ dày thanh chống: từ 68 µm đến 80 µm - Đường kính khung: từ 2.00mm đến 4.00 mm. Chiều dài khung: từ 8mm đến 40 mm.	70
189	Stent dùng trong can thiệp tim mạch	Cái	Stent phủ thuốc Sirolimus trực tiếp lên khung stent không chứa polymer, nồng độ phủ thuốc ≥ 2.2µg/mm^2. Chiều dài catheter ≤ 135cm. Đường kính stent: từ 2.5mm đến 4.0mm, chiều dài: từ 9mm đến 36mm - Có chứng nhận FDA	20
190	Stent đường mật	Cái	- Đường kính: 8mm (24Fr), 10mm (30Fr) - Chiều dài: 60mm, 80mm, 100mm - Thiết kế phủ toàn bộ bằng Polymer	3
191	Van tim động mạch chủ sinh học các cỡ	Bộ	Van động mạch chủ sinh học thay qua da, tự bung Có khung van làm bằng chất liệu Nitinol Lá van làm bằng màng tim heo hoặc bò Tiêu chuẩn FDA hoặc CE	1
192	Vật liệu nút mạch	Lọ	- Hạt vi cầu hydrogel, phủ polymer Polyzene® - F, không tan trong dung môi. - Kích thước hạt: từ 40 µm đến 1.300 µm, mỗi kích thước có một màu tương ứng. - Đóng gói 2ml - Xuất xứ: G7 hoặc Châu Âu	20
193	Vật liệu nút mạch	Lọ	-Hạt vi cầu hydrogel, phủ polymer Polyzene - F, không tan trong dung môi. - Mang thuốc doxorubicin-HCl và irinotecan-HCl lên đến 100mg/2 ml hạt. - Thời gian hấp thụ nhanh, tối đa 60 phút. - Kích thước hạt: 40µm,75µm,100 µm. - Xuất xứ: G7 hoặc Châu Âu	46
194	Vi dây dẫn can thiệp mạch máu với cuộn vàng	Cái	Cấu tạo đồng trục gồm: - Đầu xa có phần cuộn vàng (Gold coil) dài 2cm Kích thước: - Chiều dài dây dẫn: 180cm; 200cm - Đường kính: 0.012"; 0.014"; 0.016"	20
195	Vi dây dẫn can thiệp ngoại biên	Cái	- Độ nặng đầu xa (tip) ≥ 30.0gf. - Lớp phủ Hydrophilic, không phủ đầu	20
196	Vi dây dẫn can thiệp ngoại biên	Cái	- Khả năng tải đầu xa (tip) ≥3.0 gf.	20
197	Vi dây dẫn can thiệp ngoại biên	Cái	- Khả năng tải đầu xa (tip) ≥3.0 gf. - Lớp phủ Polymer ≥10 cm - Đoạn chắn xạ ≥4.5 cm	20
198	Vi dây dẫn can thiệp ngoại biên	Cái	- Độ hiện thị của đầu xa (tip): ≥ 5 cm - Đường kính: ≤ 0.016", phủ Hydrophilic trên nền polymer	30
199	Vi dây dẫn can thiệp tim mạch	Cái	- Độ nặng đầu xa (tip) 0.8 gf - Chiều dài lò xo: ≥ 16 cm	15
200	Vi dây dẫn can thiệp tim mạch	Cái	- Độ nặng đầu xa (tip) 1.0 gf - Chiều dài lò xo: ≥ 16 cm	5
201	Vi dây dẫn can thiệp tim mạch	Cái	- Độ nặng đầu xa (tip) 0.6 gf - Chiều dài lò xo: ≥ 16 cm	15
202	Vi dây dẫn can thiệp tim mạch	Cái	- Độ nặng đầu xa (tip) 1.7 gf - Chiều dài lò xo: ≥ 15 cm	10
203	Vi dây dẫn can thiệp tim mạch	Cái	- Độ nặng đầu xa (tip) 3.5gf - Chiều dài lò xo: ≥ 15 cm	15

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Số lượng
204	Vi dây dẫn can thiệp tim mạch	Cái	- Độ nặng đầu xa (tip) 4.5 gf -Chiều dài lò xo: ≥ 15 cm	10
205	Vi dây dẫn can thiệp tim mạch	Cái	- Độ nặng đầu xa (tip) 3.0 gf - Chiều dài lò xo: ≥ 8 cm	3
206	Vi dây dẫn can thiệp tim mạch	Cái	Chiều dài: 150cm, 165 cm	3
207	Vi dây dẫn can thiệp tim mạch	Cái	- Độ nặng đầu xa (tip) 0.7gf, chất liệu thép không gỉ. - Chiều dài lò xo: ≥ 28 cm	200
208	Vi dây dẫn can thiệp tim mạch	Cái	- Độ nặng đầu xa (tip) 0.5 gf, chất liệu thép không gỉ. - Chiều dài lò xo: ≥8,5 cm	10
209	Vi dây dẫn can thiệp tim mạch	Cái	- Độ nặng đầu xa (tip) 0.5gf, chất liệu thép không gỉ. - Chiều dài lò xo: ≥ 20 cm - đầu tip phủ silicone ≤ 1.5 cm	10
210	Vi dây dẫn can thiệp tim mạch	Cái	- Độ nặng đầu xa (tip) ≤ 0.8 gf - Chiều dài lò xo: ≥ 12 cm	10
211	Vi dây dẫn đường dùng trong can thiệp mạch	Cái	Dây dẫn ái nước ICE, lõi Scitanium, đầu tungsten. Đường kính: 0.014"; 0.018". Độ dài: 135cm; 165cm; 190cm.	50
212	Vi dây dẫn mạch máu thần kinh	Cái	- Lớp phủ hydrophilic ≥170cm - Lớp phủ polymer: ≥150cm - Đường kính: 0.014" - Chiều dài: 200cm, có 2 loại đầu tip: cong, cong 90 độ.	60
213	Vi dây dẫn mạch máu thần kinh	Cái	- Độ hiện thị của đầu xa (tip) 3 cm - Đường kính: 0.010"	20
214	Vi dây dẫn mạch máu thần kinh	Cái	- Lớp phủ hydrophilic ≥ 170 cm - Đường kính 0.014" - Chiều dài: từ 200cm đến 300cm, có 2 loại đầu tip: thẳng, cong.	30
215	Vi ống thông	Cái	Thiết kế 5 lớp: ống lót PTFE, lớp bện, lớp cuộn kép (gồm lớp cuộn trong, lớp cuộn ngoài) và lớp polymer ngoài cùng. Đường kính thân ngoài đoạn gần ≤2.9Fr (≤0.038"), đoạn xa ≤2.2Fr (≤0.029"). Đầu tip thuôn: ≤ 1.6Fr. Xuất xứ G7 hoặc Châu Âu	5
216	Vi ống thông	Cái	Thiết kế đa lớp với lõi thép dạng cuộn hoặc bện. Có các thiết kế dạng: đầu thẳng và uốn cong (các góc 45 độ, 90 độ và 120 độ) Đường kính thân ngoài đoạn gần ≤3.2Fr (≤0.042"), đoạn xa ≤2.4Fr (≤0.031"). Đường kính trong đoạn gần ≤0.021", đoạn xa ≤0.017". Xuất xứ G7 hoặc Châu Âu	5
217	Vi ống thông can thiệp	Cái	- Đường kinh trong ≥ 0.027" - Chiều dài ống thông: 112cm hoặc 132cm.	30
218	Vi ống thông can thiệp kéo dài	cái	Có marker (dấu bắt cản quang) làm bằng platinum iridium Tổng chiều dài catheter: ≥150cm Chiều dài đoạn xa kéo dài: ≥25 cm Chiều dài đoạn dốc: ≥4 cm Phần đầu mềm TruFlex dài 2mm Đạt tiêu chuẩn FDA	10
219	Vi ống thông can thiệp mạch máu ngoại biên	Cái	- Công nghệ POLYFUSION, phủ ái nước HYDRO PASS, chất liệu được bện bằng dây thép không rỉ. - Đường kính gần cán 3F, xa cán 2.4F; đường kính trong ≤0.021" bằng PTFE, độ dài: 105cm; 130cm; 150cm.	30
220	Vi ống thông can thiệp mạch thần kinh	Cái	Tương thích với dây dẫn 0.008" hoặc 0.010" Đường kính trong ≤ 0.013" Chiều dài ≥165 cm	10
221	Vi ống thông can thiệp mạch thần kinh	Cái	Đường kính trong ≥ 0.017" Chiều dài ≥ 150 cm	30
222	Vi ống thông can thiệp mạch thần kinh	Cái	Đường kính trong ≥0.017". Chiều dài ≥150cm. Có 2 marker ở đầu.	20

STT	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Yêu cầu kỹ thuật	Số lượng
223	Vi ống thông can thiệp mạch thần kinh	Cái	Đường kính ngoài đầu gần-xa là 2.7Fr-2.4Fr, đường kính trong ≤0.021", chiều dài ≥ 153cm	20
224	Vi ống thông can thiệp mạch thần kinh	Cái	Đường kính trong ≤ 0.013", đường kính ngoài đầu xa ≤ 1.5Fr, đường kính đầu gần ≤ 2.7Fr, chiều dài ≥ 165cm.	50
225	Vi ống thông can thiệp tim mạch	Cái	- Thiết kế ống hình ovan - Ống thông có 2 nòng. - Chiều dài: 145 cm.	5
226	Vi ống thông can thiệp tim mạch	Cái	- Thân ống SHINKA (bện ≥ 10 sợi dây) - Chiều dài: 135cm, 150cm	5
227	Vi ống thông can thiệp tim mạch	Cái	- Đường kính ngoài đầu tip ≤ 1.4Fr - Đường kính ngoài phần thân xa ≥1.9 Fr - Đường kính ngoài phần thân gần ≥ 2.6 Fr	5
228	Vòng xoắn kim loại	Cái	Vòng xoắn bằng platinum. Dạng coil cắt cơ. Đường kính sợi coil ≥ 0.020".	10
229	Vòng xoắn kim loại (Coil) nút mạch	Cái	- Chất liệu: Hợp kim Platinum, có sợi Dacron bao phủ - Đường kính: từ 2mm đến 11 mm. - Chiều dài khi thả: từ 2.0mm đến 17mm. - Hình dạng: Kim cương, hình nón, vòng xoắn lặp lại, thẳng, vòng xoắn, xoắn ốc phức tạp.	30
230	Xi măng sinh học dùng điều trị phẫu thuật cột sống	Bộ	- Gồm: ≥ 25g bột xi măng (thành phần: ≥ 10g Bari sulphate) và ≥ 10ml dung môi trộn xi măng (thành phần: ≥ 9,93ml methyl methacrylate), bộ bơm xi măng, kim chọc dò.	15
	Tổng cộng: 230 mặt hàng			
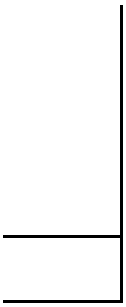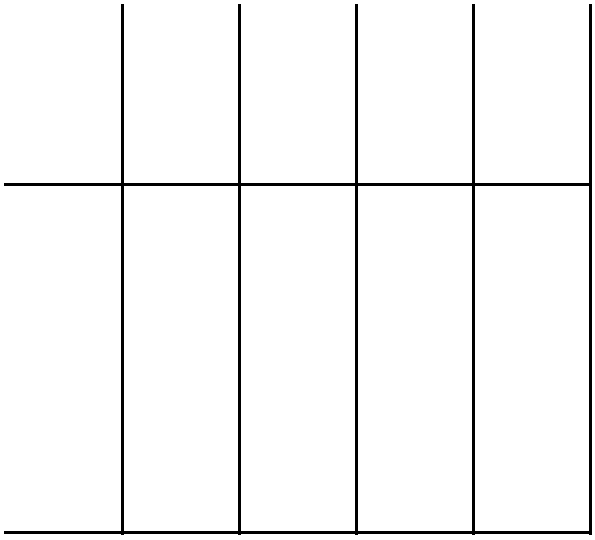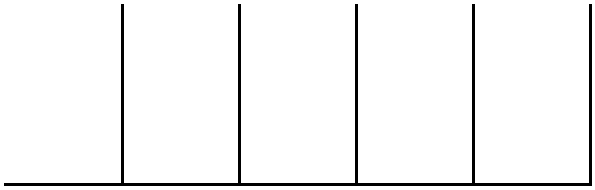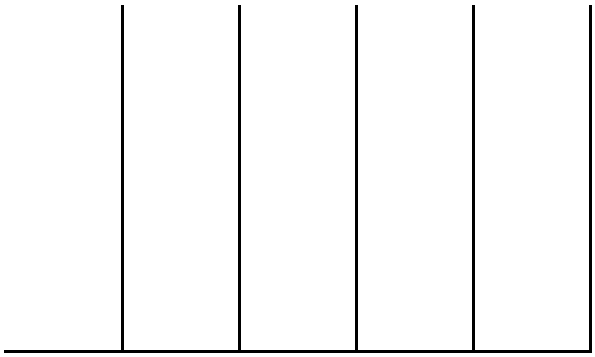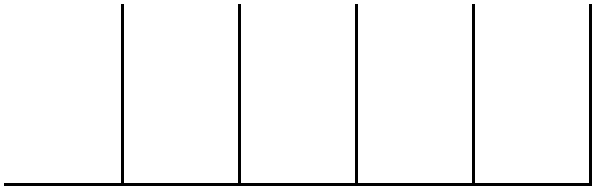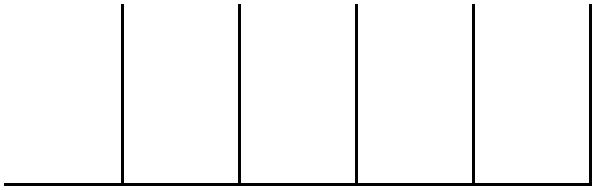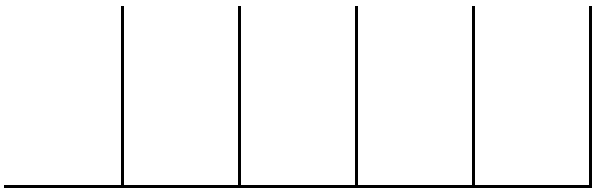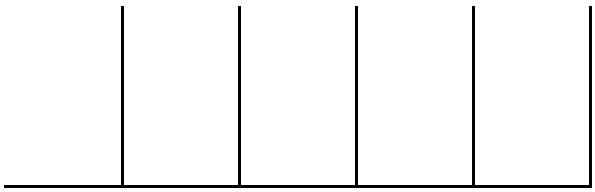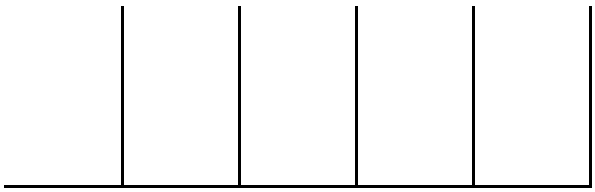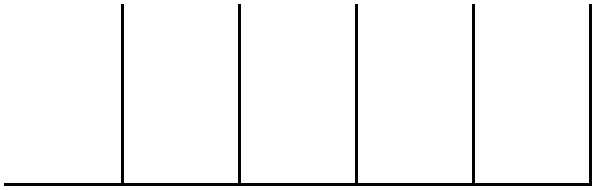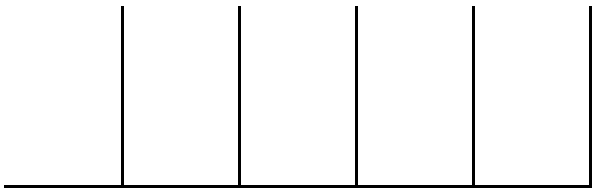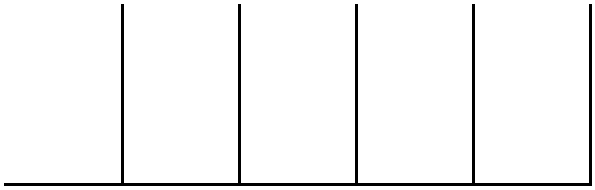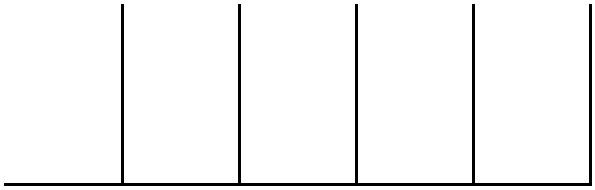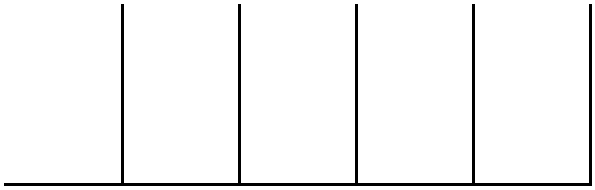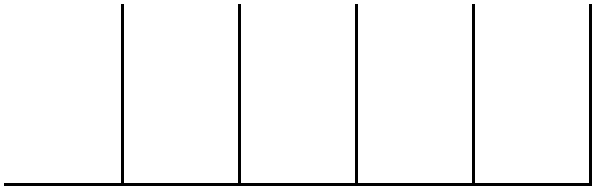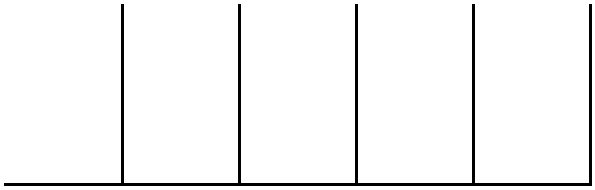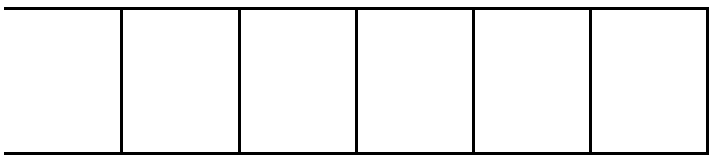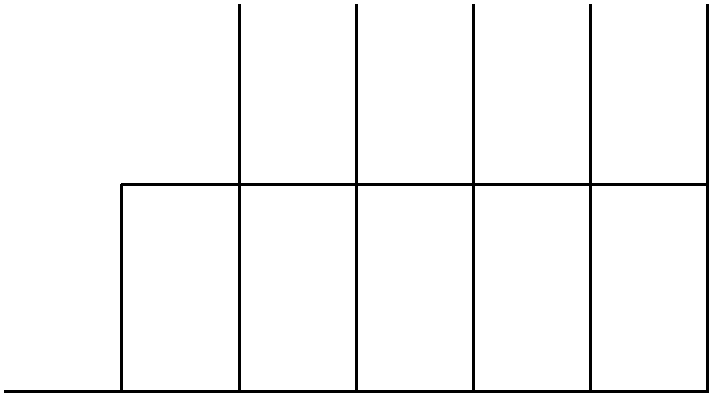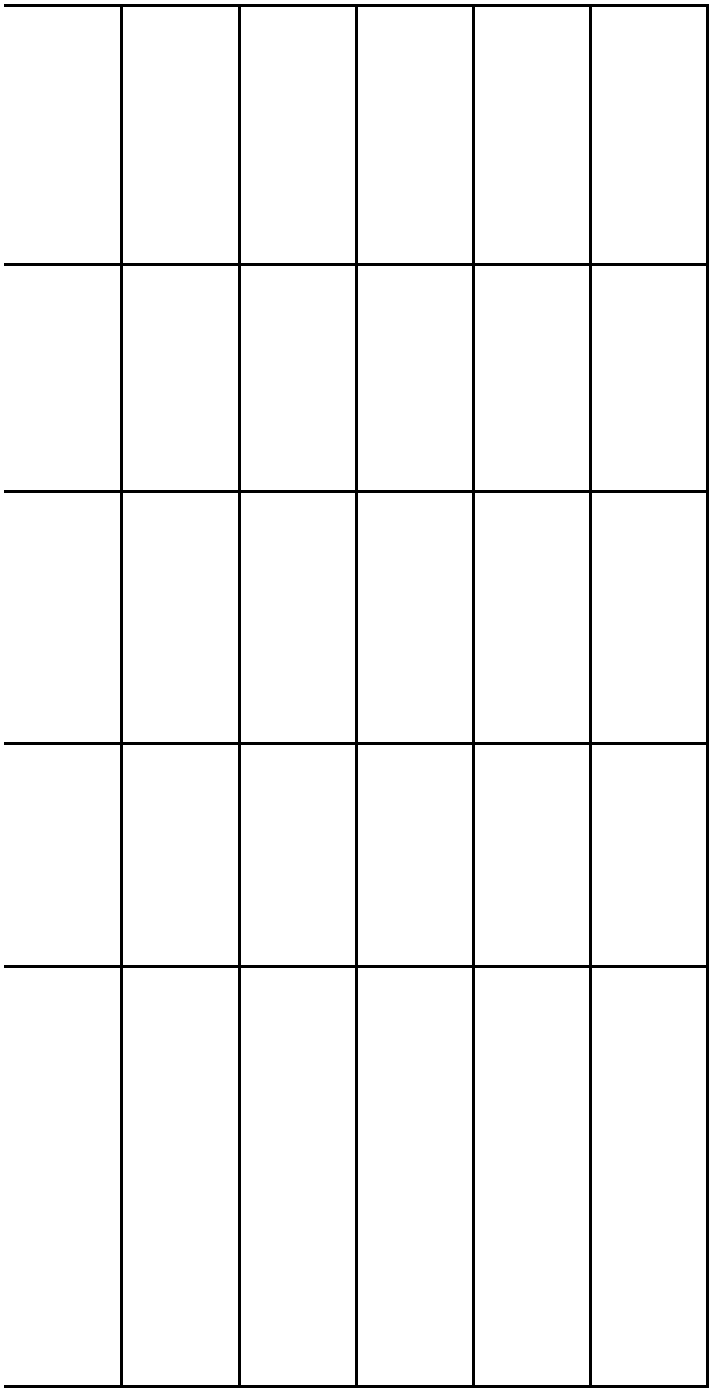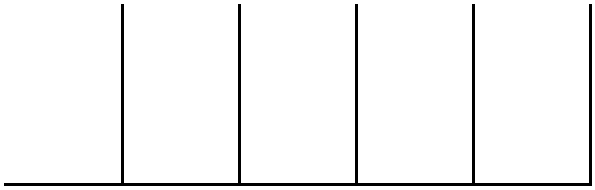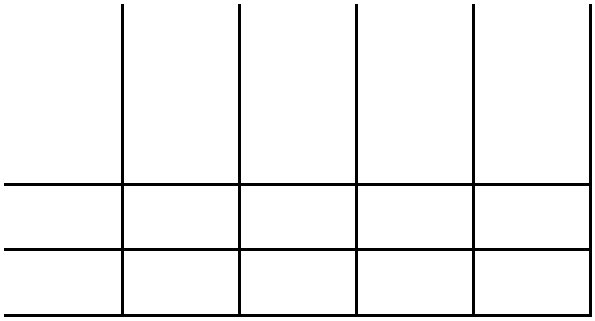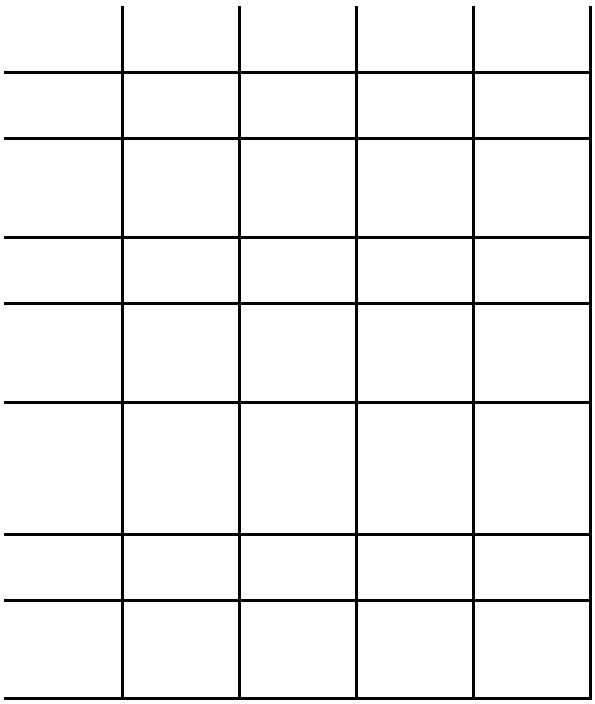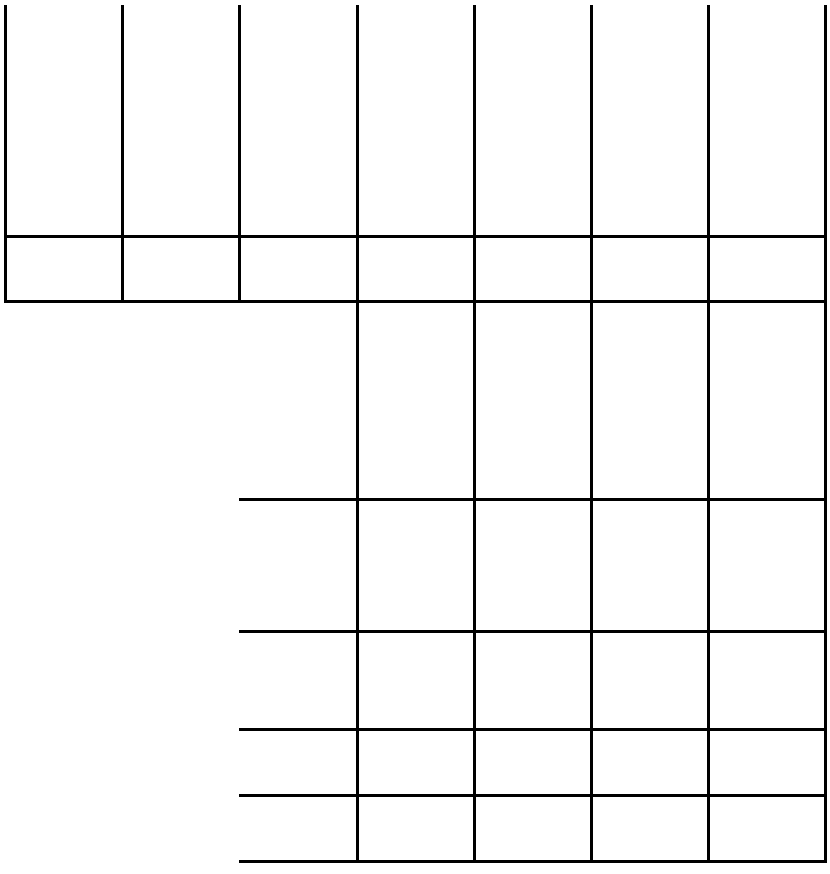
Số lượng trên chưa bao gồm tuỳ chọn mua thêm
Tuỳ chọn mua thêm tối đa là: 30% theo số lượng từng mặt hàng